TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ M'GAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/DS-ST
Ngày: 21/4/2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Dự

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Giang Nam

- Ông Nguyễn Văn Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2022/TLST- DS ngày 13 tháng 4 năm 2022, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đòi tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-DS ngày 17/3/2023, quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-DS ngày 05/4/2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Bà Nguyễn Thị L (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn ĐHT, xã CM, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Văn Đ P (có mặt)
Địa chỉ: NCT, thị trấn QP, huyện C, tỉnh Đắk Lắk
*** Bị đơn**: Bà Lê Thị T (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn ĐHT, xã CM, huyện C, tỉnh Đắk Lắk
*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**
- Ông Dương Công P1 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn ĐHT, xã CM, huyện C, tỉnh Đắk Lắk
- Ông Lê Quang H (Vắng mặt- có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn ĐHT, xã CM, huyện C, tỉnh Đắk Lắk
- Ông Dương Công C (Vắng mặt), bà Thái Thị Đ (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn ĐHT, xã CM, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:***

Vì có quen biết trước đó nên bà Nguyễn Thị L đã nhiều lần cho bà Lê Thị

T vay tiền, cụ thể:

Lần 1: Ngày 17/02/2020 bà Lê Thị T vay của bà Nguyễn Thị L số tiền 30.000.000 đồng, hai bên đã lập giấy biên nhận vay tiền, thời hạn trả nợ hai bên thỏa thuận là sau 3 tháng thanh toán đầy đủ.

Lần 2: Ngày 04/8/2020 bà Lê Thị T chốt với bà Nguyễn Thị L 400kg cà phê nhân xô, giá cà phê tại thời điểm trên là 33.000 đồng/kg, số tiền tương ứng là 13.200.000 đồng. Hai bên đã lập biên bản chốt cà phê, thời hạn trả là ngày 20/01/2021.

Sau đó vào khoảng cuối năm 2021 bà Lê Thị T mới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 8.000.000 đồng. Từ đó đến nay mặc dù bà L nhiều lần liên hệ yêu cầu bà T trả tiền nhưng bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay bà L khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar buộc bà Lê Thị T thanh toán số tiền gốc vay là 22.000.000 đồng và 400kg cà phê nhân xô và trả lãi phát sinh từ thời điểm vay cho đến khi trả xong nợ gốc.

Ngày 13/10/2022 bà Nguyễn Thị L có đơn bổ sung, thay đổi đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc là Lê Thị T thanh toán số tiền gốc là 22.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính tính đến ngày 01/8/2022 là 12.848.000 đồng (mức lãi suất 20%/năm) và trả 400 kg cà phê nhân.

**** Bị đơn bà Lê Thị T trình bày:***

Ngày 17/12/2019 gồm có: ông Dương Công C, bà Thái Thị Đ, bà Nguyễn Thị L cả 3 người đến nhà tôi, ông Đ, bà C có nhờ tôi đứng tên và vay giúp của bà Lan với số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất hàng tháng là 2.500.000 đồng/tháng. Đối với số tiền 30.000.000 đồng này thì đã trả được 8.000.000 đồng tiền gốc.

Do thỏa thuận hai bên nên số tiền lãi từ ngày 17/12/2019 đến ngày 17/06/2020 tôi đã trả đầy đủ với số tiền 15.000.000 đồng còn lại từ ngày 17/7/2020 thì do điều kiện gia đình quá khó khăn nên bà L cho tôi chốt 400kg cà phê nhân để trả lãi suất. Nay tôi yêu cầu bà L viết giấy cho tôi 15.000.000 đồng tiền lãi suất và tiền lãi suất còn lại chuyển qua 400kg cà phê nhân.

Nay bà L khởi kiện thì tôi cũng đồng ý với ý kiến bà L, tôi đề nghị chuyển số tiền nợ lại cho ông bà C, Đ, để ông bà C, Đ trả nợ cho bà L.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Công C, bà Thái Thị Đ trình bày:***

Cô L cho tôi vay 30.000.000 đồng, cô L thỏa thuận với tôi 30.000.000 đồng này có lúc nào trả cũng được, cứ mỗi tháng trả cho cô L 2.500.000 đồng tiền lãi.

Từ ngày 17/12 dương lịch đến ngày 17/6 tôi đã trả 15.000.000 đồng, từ tháng 7 đến khoảng tháng 12 tôi đã chốt 400kg cà phê nhân để chuyển vào tiền lãi cho cô L.

Còn số tiền 30.000.000 đồng tiền gốc tôi đã trả cho cô L được 8.000.000

đồng tiền gốc còn 22.000.000 đồng tôi xin trả dần, có lúc nào thì tôi trả lúc đó, còn 400kg cà phê nhân tôi không có điều kiện để trả và tôi xin nhận số nợ này. Không còn liên quan gì đến cô T.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quang H trình bày:**

Đối với số tiền và cà phê mà vợ tôi Nguyễn Thị L cho bà Nguyễn Thị T vay 30.000.000 đồng và 400kg cà phê nhân xô là tài sản chung của vợ chồng tôi.

Đối với việc vợ tôi cho bà T vay là do vợ tôi thực hiện, tôi không tham gia trong việc vay mượn trên, đối với việc vợ tôi khởi kiện thì tôi xác định để vợ tôi khởi kiện tôi không khởi kiện, không có yêu cầu độc lập và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

* Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar phát biểu như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Thẩm phán còn vi phạm thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn chưa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 22.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật và 400 kg cà phê nhân xô. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, đòi tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị Đ, ông Dương Công C, ông Dương Công P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, ông Lê Quang H có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo giấy vay tiền đề ngày 17/01/2020 thì bà Nguyễn Thị L cho bà Lê Thị T vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn trả là 3 tháng sau, tiếp đến ngày

04/8/2020 bà bà Lê Thị T chốt của bà Nguyễn Thị L 400 kg cà phê nhân xô, tương ứng với số tiền 13.200.000 đồng (33.000.000 đồng/1kg cà phê nhân xô)

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị T thừa nhận chữ ký chữ viết trên giấy vay tiền và giấy chốt cà phê là của bà, bà cho rằng số tiền 30.000.000 đồng là do ông Dương Công C, bà Thái Thị Đ nhờ bà đứng tên và vay giúp của bà L chứ bà không vay tiền của bà L, đối với số cà phê là dùng để trả tiền lãi cho số tiền 30.000.000 đồng đã vay ở trên chứ không phải là số tiền vay riêng. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Công C, bà Thái Thị Đ cho rằng số tiền 30.000.000 đồng là bà vay của bà của bà L, số 400 kg cà phê để trả tiền lãi cho số tiền bà đã vay 30.000.000 đồng nói trên. Tuy nhiên, nguyên đơn không thừa nhận lời trình bày nêu trên của bà T và ông C, bà Đ, đối với số tiền 30.000.000 đồng thì trên giấy vay tiền đề ngày 17/01/2020 có nội dung: "*T P có vay chú cô L H với số tiền 30.000.000 đồng vay dùm cho anh chị C + Đ hạn 3 tháng là thanh toán đầy đủ, nếu sai hẹn là T, P chịu trách nhiệm*", do đó lời trình bày này của bị đơn không phù hợp với nội dung của giấy này.

Đối với ý kiến cho rằng 400kg cà phê nhân xô là dùng để trả tiền lãi cho số tiền 30.000.000 đồng tính từ ngày 17/7/2020 đến ngày 17/6/2020, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh cho lời trình bày của mình nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhập lời trình bày của bà T, bà Đ.Hơn nữa vào ngày 08/6/2021 bà T tiếp tục viết giấy cam kết với nội dung tổng số tiền bà T nợ tôi là 50.000.000 đồng bao gồm cả số tiền 30.000.000 đồng và 400kg cà phê nhân xô và tiền lãi suất do bà T chậm trả. Như vậy, đã có đủ căn cứ để khẳng định nguyên đơn bà Lê Thị L và bị đơn bà Nguyễn Thị T đã thực hiện hợp đồng vay tài sản với nhau theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

Theo nội dung giấy thỏa thuận vay tiền ngày 17/01/2020 thì các bên thỏa thuận thời hạn thanh toán là 03 tháng và giấy chốt cà phê ngày 04/8/2020 thì các bên thỏa thuận thời hạn thanh toán là ngày 20/11/2020, tuy nhiên bà L mới thanh toán được 8.000.000 đồng tiền nợ gốc, số tiền còn lại bà L đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà T không trả số tiền trên cho bà L là vi phạm quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự về nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Đối với giấy ngày 08/6/2021 thì các bên xác định số nợ là 50.000.000 đồng tuy nhiên tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 22.000.000 đồng và 400 kg cà phê nhân xô là phù hợp nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Dương Công C, bà Thái Thị Đ có ý kiến ông bà sẽ trả số nợ cho bà L thay cho bà T, tuy nhiên nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu này và các bên đương sự cũng không thỏa thuận việc chuyển nghĩa vụ cho bên thứ ba theo quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L là phù hợp với quy định tại Điều 470 Bộ luật dân

sự nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận buộc bị đơn bà Lê Thị T phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc là 22.000.000 đồng và 400kg cà phê nhân xô.

Về lãi suất: Xét mức lãi suất 20%/tháng mà nguyên đơn yêu cầu, Hội đồng xét xử thấy: Tại giấy mượn tiền ngày 17/01/2020 được các bên xác lập không thỏa thuận về mức lãi suất, nguyên đơn cho rằng mức lãi suất này được các bên thỏa thuận miệng với nhau, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án bị đơn không đồng ý lời trình bày này, Hội đồng xét xử thấy rằng các bên không thỏa thuận lãi suất với nhau tuy nhiên căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự : "*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác."*, do đó yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn là phù hợp nên cần chấp nhận.

Hội đồng xét xử cần căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất từ chậm trả từ ngày 18/4/2020 đến ngày 31/12/2021, cụ thể như sau: 30.000.000 đồng x 10%/năm x 01 năm 8 tháng 13 ngày = 5.089.200 đồng.

Ngày 31/12/2021, bà T trả được số tiền gốc 8.000.000 đồng, tiền gốc còn lại là 22.000.000 đồng nên tiền lãi còn lại là: 22.000.000 đồng x 10%/năm x 01 năm 3 tháng 20 ngày = 2.862.200 đồng. Tổng số tiền lãi bà T phải chịu là: 7.951.400 đồng

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, cụ thể: 29.951.400 đồng + (400 kg x 50.900 đồng/kg = 20.360.000 đồng) x 5 % = 2.515.570 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 357; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L

Buộc bà Lê Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 29.951.400 (trong đó: Nợ gốc là 22.000.000 đồng, nợ lãi là 7.951.400 đồng) và 400 kg cà phê nhân xô.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Bà Lê Thị T phải chịu 2.515.570 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 1.521.000 đồng bà đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0008125 ngày 12/4/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VPCQ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Văn Dự